TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Lê Văn Rồi

2- Bà Phan Thị Xuân Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1180/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1992; CCCD số: X, cấp ngày 22/12/2021, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Số 28/3A, đường số 107, ấp 11, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị O, sinh năm 1988; CCCD số: Y, cấp ngày 13/6/2022, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Đăng ký thường trú: Số 28/3A, đường số 107, ấp 11, xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 09/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh P trình bày: Ông với bà Phạm Thị O tự nguyện tìm hiểu quen nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169/2012, quyển số 01/2012 ngày 25/7/2012. Sau kết hôn, vợ chồng ông sinh sống bên nhà ông tại xã T, huyện C. Cuộc sống vợ chồng tạm ổn định và bà O lần lượt sinh 03 con chung. Tuy nhiên, sau đó cuộc sống vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, thường mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng và phát triển kinh tế vợ chồng. Đỉnh điểm mâu thuẫn là khoảng 05 năm trở lại đây vì thông qua bạn bè ông được biết bà O có người đàn

ông khác bên ngoài. Ông và bà O đã ly thân trong thời gian dài, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Hiện vợ chồng ông không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà O.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 28/8/2007, Huỳnh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008 và Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2014. Ba con chung hiện đang sống cùng với ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Huỳnh Thị Bảo T, và Huỳnh Thị Kim N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 03 Bản sao khai sinh con chung; Căn cước công dân photo của nguyên đơn, bị đơn.

Bị đơn bà Phạm Thị O đã được Tòa án tống đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà bà O vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi (nay là xã Phú Hoà Đông), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phạm Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo quy định.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh P và bà Phạm Thị O tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 169/2012, quyển số 01/2022 ngày 25/7/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông P xin ly hôn với bà O là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông P thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, thường mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ

chồng và phát triển kinh tế vợ chồng. Đỉnh điểm mâu thuẩn là khoảng 05 năm trở lại đây, vợ chồng ông đã ly thân trong thời gian dài, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Bà O đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông P với bà O không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 28/8/2007 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008 và Huỳnh Thị Kim Ng, sinh ngày 16/8/2014. Hiện 03 con chung đang sống cùng với ông P và Huỳnh Thị Bảo T, Huỳnh Thị Kim N đều có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng với ba. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Huỳnh Thị Bảo T, Huỳnh Thị Kim N, xét thấy cần giao T và N cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Toà án không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cần buộc ông Phong phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh P được ly hôn với bà Phạm Thị O. Giấy chứng nhận kết hôn số 169/2012, quyển số 01/2012 ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông P, bà O không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh ngày 28/8/2007 (đã trưởng thành); Huỳnh Thị Bảo T, sinh ngày 27/9/2008 và Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 16/8/2024. Ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Thị Bảo T và Huỳnh Thị Kim N; ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, Toà án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Huỳnh Thanh P phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0064639 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Phú Hoà Đông, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan